

Bản án số: 61/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30-9-2020

V/v: Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU TH, TỈNH K GIANG

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hữu Tâm;
2. Bà Lý Mộng Trinh.

Thư ký phiên toà: Bà Lữ Cẩm Nhung – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 353/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2020, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2020/QĐXX-ST ngày 17 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị **Cao Thị Th**, sinh năm 1983

Địa chỉ: ấp Tân Đ, xã Giục T, huyện Châu Th, tỉnh K
(Chị Th có mặt tại phiên tòa)

** Bị đơn:* Anh **Hồ Thanh Tr**, sinh năm 1983

Địa chỉ: ấp Tân Đ, xã Giục T, huyện Châu Th, tỉnh K.
(Anh Tr vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20-8-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Cao Thị Th trình bày: Vào năm 2002, chị và anh Hồ Thanh Tr được sự đồng ý của cha mẹ hai bên nên anh, chị cùng nhau đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Trong cuộc sống hôn nhân thời gian đầu vợ chồng sông hạnh phúc đến thời gian sau thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn : Do bất đồng quan điểm, không hợp nhau về tính tình và cách sống, mặc dù hiện nay vợ chồng vẫn sông chung nhà nhưng không ai quan tâm đến nhau, vợ chồng chị đã cố gắng hàn gắn lại tình cảm

vợ chồng nhưng không có kết và đã sống ly thân với nhau từ năm 2012 cho đến nay.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh Tr có 03 người con chung tên Hồ Thị Mỹ T, sinh ngày 31-7-2004; Hồ Thị Mỹ Ng, sinh ngày 26-12-2008 và Hồ Thanh T2, sinh ngày 07-01-2010, hiện nay các con đang sống với chị.

Về tài sản chung : Quá trình chung sống vợ chồng chị không có tạo lập được tài sản gì chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng chị không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Cao Thị Th yêu cầu:

- *Về hôn nhân:* Yêu cầu được ly hôn với anh Hồ Thanh Tr

- *Về con chung:* Yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con chung tên Hồ Thị Mỹ T, sinh ngày 31-7-2004; Hồ Thị Mỹ Ng, sinh ngày 26-12-2008 và Hồ Thanh T2, sinh ngày 07-01-2010 và không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 24-8-2020 và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 17-9-2020 bị đơn anh Hồ Thanh Tr trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Th về hôn nhân, về nguyên nhân mâu thuẫn cũng như về con chung, về tài sản chung và nợ chung là đúng.

Nay chị Cao Thị Th yêu cầu xin ly hôn thì anh có ý kiến như sau:

- *Về hôn nhân:* Đồng ý ly hôn với chị Cao Thị Th.

- *Về con chung:* Đồng ý giao 03 con chung tên Hồ Thị Mỹ T, sinh ngày 31-7-2004; Hồ Thị Mỹ Ng, sinh ngày 26-12-2008 và Hồ Thanh T2, sinh ngày 07-01-2010 cho chị Th chăm sóc, nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa anh Tr có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 20-8-2020 chị Cao Thị Th có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Hồ Thanh Tr. Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo Điều 28 của Bộ luật

Tổ tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Hồ Thanh Tr có đơn xin xét xử vắng mặt, tại phiên tòa nguyên đơn thống nhất xử vắng mặt bị đơn. Do vậy, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Cao Thị Th và anh Hồ Thanh Tr chung sống với nhau vào năm 2002 trên cơ sở hôn nhân hoàn T2 tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn là không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân không hợp pháp, vì đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”

Do đó không công nhận chị Th và anh Tr là vợ chồng, là phù hợp pháp luật.

[3] *Về con chung*: Chị Cao Thị Th và anh Hồ Thanh Tr đều xác nhận trong thời gian chung sống anh chị có 03 con chung tên: Hồ Thị Mỹ T, sinh ngày 31-7-2004; Hồ Thị Mỹ Ng, sinh ngày 26-12-2008 và Hồ Thanh T2, sinh ngày 07-01-2010, hiện con do chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Th và anh Tr thống nhất thỏa thuận giao 03 con chung tên: Hồ Thị Mỹ T, sinh ngày 31-7-2004; Hồ Thị Mỹ Ng, sinh ngày 26-12-2008 và Hồ Thanh T2, sinh ngày 07-01-2010 cho chị Th tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. HĐXX xét thấy sự thỏa thuận này của chị Th và anh Tr phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và cũng phù hợp theo nguyện vọng của các con, nên HĐXX ghi nhận.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã giải thích cho chị Th về quyền yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi các con cho đến khi đủ 18 tuổi theo quy định của pháp luật nhưng chị Th xác định không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi các con nên HĐXX không xem xét.

Người trực tiếp nuôi con phải tạo điều kiện để người không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Trường hợp cần thiết, để đảm bảo quyền

lợi về mọi mặt của con, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi quyền nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] *Về tài sản chung*: Chị Cao Thị Th và anh Hồ Thanh Tr xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] *Về nợ chung*: Chị Cao Thị Th và anh Hồ Thanh Tr cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Cao Thị Th là nguyên đơn do đó phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Khoản 2 Điều 53; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Cao Thị Th và anh Hồ Thanh Tr.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Cao Thị Th và anh Hồ Thanh Tr giao 03 con chung tên: Hồ Thị Mỹ T, sinh ngày 31-7-2004; Hồ Thị Mỹ Ng, sinh ngày 26-12-2008 và Hồ Thanh T2, sinh ngày 07-01-2010 cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng (Phù hợp theo nguyện vọng của các con). Chị Th không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con.

Anh Hồ Thanh Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Cao Thị Th và anh Hồ Thanh Tr xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Cao Thị Th và anh Hồ Thanh Tr Tr cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Cao Thị Th phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng chị Th được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0006561 ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Th, tỉnh K; chị Th không phải nộp thêm.

“ Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

6. Quyền kháng cáo: Chị Cao Thị Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Hồ Thanh Tr vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đ- ong sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện Kiểm sát huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Th
- L- u hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Hằng

